BỘ QUỐC PHÒNG

BỘ QUỐC PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 178 /2019/TT-BQP	*Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2019*

THÔNG TƯ

Quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển đối với các chức danh quản lý tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Bộ Quốc phòng quản lý; cử, cử lại, miễn nhiệm đối với Người đại diện phần vốn nhà nước, giữ các chức danh quản lý tại doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ do Bộ Quốc phòng làm chủ sở hữu

Căn cứ Luật sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 21 tháng 12 năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2008, năm 2014;

Căn cứ Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng ngày 26 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 93/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp quốc phòng, an ninh;

Căn cứ Nghị định số 97/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Nghị định số 106/2015/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về quản lý người đại diện phần vốn nhà nước giữ các chức danh quản lý tại doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ;

Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về thực hiện quyền trách nhiệm của chủ sở hữu nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 164/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kinh tế;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thôi giữ chức, điều động, luân chuyển đối với các chức danh quản lý tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Bộ Quốc phòng quản lý; tiêu chuẩn, điều kiện cử, cử lại, miễn nhiệm đối với Người đại diện phần vốn nhà nước, giữ các chức danh quản lý tại doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ do Bộ Quốc phòng làm chủ sở hữu.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thôi giữ chức, điều động, luân chuyển đối với các chức danh quản lý tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Bộ Quốc phòng quản lý (viết gọn là Người quản lý); tiêu chuẩn, điều kiện cử, cử lại, miễn nhiệm đối với Người đại diện phần vốn nhà nước, giữ các chức danh quản lý tại doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ do Bộ Quốc phòng làm chủ sở hữu (viết gọn là Người đại diện).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Bộ Quốc phòng quản lý gồm: Công ty mẹ của tập đoàn, tổng công ty, công ty hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con, công ty độc lập (gọi tắt là doanh nghiệp).

2. Người quản lý, bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng thành viên;

b) Chủ tịch công ty;

c) Thành viên Hội đồng thành viên;

d) Kiểm soát viên;

đ) Tổng giám đốc;

e) Phó Tổng giám đốc;

g) Giám đốc;

h) Phó Giám đốc;

i) Kế toán trưởng.

3. Người đại diện, bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị;

b) Chủ tịch Hội đồng thành viên;

c) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên;

d) Tổng giám đốc;

đ) Phó Tổng giám đốc;

e) Giám đốc;

g) Phó Giám đốc.

4. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc

1. Phù hợp với các quy định của Đảng, Nhà nước, Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng về tiêu chuẩn chức vụ cán bộ, sĩ quan; phù hợp với Quy chế công tác cán bộ Quân đội nhân dân Việt Nam.

2. Đặt trong tổng thể xây dựng đội ngũ cán bộ Quân đội nói chung; bảo đảm cụ thể, rõ ràng, đáp ứng yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ Quân đội thời kỳ mới.

3. Bảo đảm khách quan, dân chủ, công bằng trong tổ chức thực hiện.

Chương II
TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN BỔ NHIỆM, BỔ NHIỆM LẠI, THÔI GIỮ CHỨC, MIỄN NHIỆM, ĐIỀU ĐỘNG, LUÂN CHUYỂN NGƯỜI QUẢN LÝ

Điều 4. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Người quản lý

1. Có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 21 tháng 12 năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2008, năm 2014 (sau đây viết gọn là Luật Sĩ quan); Quy định số 842-QĐ/QU ngày 06/8/2018 của Quân ủy Trung ương quy định về tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá, xếp loại cán bộ trong Quân đội nhân dân Việt Nam; các điều kiện quy định tại Điều 92, 100, 103 Luật Doanh nghiệp; Điều 27 Nghị định số 97/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về quản lý Người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây viết tắt là Nghị định số 97/2015/NĐ-CP); Quy chế Công tác cán bộ trong Quân đội nhân dân Việt Nam (viết gọn là Quy chế công tác cán bộ) và các văn bản quy định có liên quan của Bộ Quốc phòng.

2. Được quy hoạch cho chức danh bổ nhiệm đối với nguồn nhân sự tại chỗ hoặc được quy hoạch vào chức danh tương đương với chức danh bổ nhiệm đối với nguồn nhân sự từ nơi khác (không áp dụng đối với chức danh Kiểm soát viên).

3. Có đầy đủ hồ sơ cá nhân được cơ quan có thẩm quyền xác minh, có bản kê khai tài sản theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

4. Trong độ tuổi bổ nhiệm theo quy định của Bộ Quốc phòng.

5. Có bản đánh giá mức độ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên ở chức vụ trước khi bổ nhiệm của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 1, Thông tư số 105/2018/TT-BQP ngày 24/7/2018 của Bộ Quốc phòng sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 147/2016/TT-BQP ngày 21/9/2016 của Bộ Quốc phòng quy định về quản lý Người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Bộ Quốc phòng quản lý và Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ do Bộ Quốc phòng làm chủ sở hữu (viết gọn là Thông tư số 105/2018/TT-BQP).

6. Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ, chức danh theo quy định của pháp luật.

7. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm đối với Kế toán trưởng ngoài các quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này, phải thực hiện theo các quy định của pháp luật có liên quan của Nhà nước và Bộ Quốc phòng.

8. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm đối với Kiểm soát viên ngoài các quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này, các quy định của pháp luật có liên quan còn phải đáp ứng các quy định sau:

a) Đối với công ty độc lập số lượng Kiểm soát viên được bổ nhiệm là 01 người;

b) Đối với công ty mẹ của tổng công ty số lượng Kiểm soát viên được bổ nhiệm là 03 người và tổ chức Ban Kiểm soát;

c) Đối với công ty mẹ của tập đoàn số lượng Kiểm soát viên được bổ nhiệm tối đa 05 người và tổ chức Ban Kiểm soát;

d) Trưởng Ban kiểm soát làm việc theo chế độ chuyên trách tại doanh nghiệp, các thành viên khác có thể là Kiểm soát viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm; Kiểm soát viên kiêm nhiệm tham gia Ban kiểm soát tại không quá 04 doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên kiêm nhiệm là cán bộ thuộc cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng tham gia Ban kiểm soát của không quá 01 doanh nghiệp;

đ) Cơ quan được giao quản lý Kiểm soát viên đề xuất bằng văn bản với cấp có thẩm quyền về số lượng Kiểm soát viên dự kiến phân công công tác tại từng doanh nghiệp.

Điều 5. Thời hạn giữ chức vụ

1. Thời hạn bổ nhiệm giữ chức vụ của Người quản lý là 05 năm.

2. Trường hợp Người quản lý được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ mới tương đương chức vụ cũ thì thời hạn giữ chức vụ được tính từ ngày quyết định điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ mới có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp thay đổi chức danh quản lý do thay đổi tên gọi của doanh nghiệp thì thời hạn giữ chức vụ được tính từ ngày quyết định bổ nhiệm theo chức vụ cũ (tên gọi cũ của doanh nghiệp).

Điều 6. Trường hợp chưa xem xét bổ nhiệm

1. Đang trong thời gian bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của pháp luật.

2. Đang trong thời gian bị xem xét xử lý kỷ luật từ mức kỷ luật khiển trách trở lên, điều tra, truy tố, xét xử.

3. Các trường hợp khác theo quy định tại các văn bản quy định có liên quan của Bộ Quốc phòng

Điều 7. Trình tự, thủ tục Bổ nhiệm Người quản lý

Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Người quản lý thực hiện theo Quy chế công tác cán bộ và các văn bản quy định có liên quan của Bộ Quốc phòng.

Điều 8. Bổ nhiệm lại Người quản lý

1. Khi hết thời hạn giữ chức vụ bổ nhiệm theo quy định Người quản lý được xem xét, bổ nhiệm lại hoặc không bổ nhiệm lại.

Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ tại một tập đoàn, tổng công ty, công ty.

2. Điều kiện xem xét, bổ nhiệm lại

Người quản lý hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian giữ chức vụ, đủ tiêu chuẩn chức danh, đủ tuổi công tác từ 02 năm trở lên, đủ sức khỏe đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ; cơ quan, đơn vị có đề nghị.

3. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm lại thực hiện theo Quy chế công tác cán bộ và các văn bản quy định có liên quan của Bộ Quốc phòng.

4. Trường hợp không thực hiện bổ nhiệm lại Người quản lý

a) Những trường hợp không đủ tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm lại phải báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

b) Trường hợp cán bộ còn dưới 02 năm công tác, đủ điều kiện tiêu chuẩn thì xem xét kéo dài thời gian giữ chức vụ cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định mà không thực hiện quy trình bổ nhiệm lại;

c) Cán bộ không được bổ nhiệm lại được xem xét bố trí công tác khác hoặc giải quyết chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

5. Quyết định bổ nhiệm lại chức vụ quản lý doanh nghiệp quy định tại Thông tư này phải được cấp có thẩm quyền ban hành trước ít nhất 01 ngày làm việc, tính đến thời điểm Người quản lý hết thời hạn giữ chức vụ bổ nhiệm.

Điều 9. Thôi giữ chức Người quản lý

1. Cấp có thẩm quyền bổ nhiệm, quyết định thôi giữ chức đối với Người quản lý khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Do sức khỏe yếu hoặc đã hết tuổi theo quy định;

b) Doanh nghiệp bị giải thể, giảm biên chế hoặc do yêu cầu nhiệm vụ;

c) Có nguyện vọng xin thôi giữ chức vì lý do cá nhân;

d) Các trường hợp khác theo quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng.

2. Trình tự, thủ tục xem xét Người quản lý thôi giữ chức thực hiện theo Quy chế công tác cán bộ và các văn bản quy định có liên quan của Bộ Quốc phòng.

3. Người quản lý sau khi thôi giữ chức thì được cấp có thẩm quyền xem xét bố trí công việc khác hoặc giải quyết chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Miễn nhiệm Người quản lý

1. Người quản lý được miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Có sai phạm nhưng chưa đến mức phải kỷ luật cách chức hoặc không còn đủ uy tín, điều kiện để giữ chức vụ;

b) Năng lực hạn chế; có 02 năm liên tiếp của nhiệm kỳ giữ chức vụ bị đánh giá, phân loại ở mức không hoàn thành nhiệm vụ;

c) Trong 01 nhiệm kỳ hoặc trong 02 nhiệm kỳ liên tiếp bị 02 lần xử lý kỷ luật liên quan đến chức trách, nhiệm vụ được giao;

d) Bị cơ quan kiểm tra, thanh tra có thẩm quyền kết luận bằng văn bản về vi phạm tư cách đạo đức hoặc vi phạm quy định về những việc đảng viên không được làm đối với Người quản lý là đảng viên.

2. Cấp có thẩm quyền quyết định miễn nhiệm ngay đối với Người quản lý khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Trình tự, thủ tục xem xét miễn nhiệm thực hiện theo Quy chế công tác cán bộ và và các văn bản quy định có liên quan của Bộ Quốc phòng.

4. Người quản lý sau khi được miễn nhiệm thì được cấp có thẩm quyền xem xét bố trí công việc khác hoặc giải quyết chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Điều động, luân chuyển Người quản lý

1. Căn cứ điều động, luân chuyển Người quản lý:

a) Yêu cầu nhiệm vụ của doanh nghiệp và nhu cầu công tác cán bộ;

b) Phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu của vị trí chức vụ, chức danh mới;

c) Kế hoạch, quy hoạch sử dụng nguồn nhân lực tại doanh nghiệp.

2. Việc điều động, luân chuyển Người quản lý thực hiện theo Quy chế công tác cán bộ và các văn bản quy định có liên quan của Bộ Quốc phòng.

Chương III
CỬ, CỬ LẠI, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐẠI DIỆN

Điều 12. Tiêu chuẩn, điều kiện Người đại diện

1. Có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật Sĩ quan; Quy định số 842-QĐ/QU ngày 06/8/2018 của Quân ủy Trung ương quy định về tiêu chuẩn

chức danh, tiêu chí đánh giá, xếp loại cán bộ trong Quân đội nhân dân Việt Nam và các quy định tại Điều 65, 151, 152, 157 Luật Doanh nghiệp; Điều 18 Nghị định số 106/2015/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về quản lý Người đại diện phần vốn nhà nước giữ các chức danh quản lý tại doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (viết gọn là Nghị định số 106/2015/NĐ-CP).

2. Có đủ hồ sơ cá nhân được cơ quan có thẩm quyền xác minh, có bản kê khai tài sản theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

3. Trong độ tuổi cử làm đại diện theo quy định, cụ thể:

Người đại diện được cử làm đại diện phải đủ tuổi (tính theo tháng) để công tác hết 01 nhiệm kỳ theo quy định của chức danh quản lý, trừ trường hợp Người đại diện do nhu cầu công tác mà được chủ sở hữu miễn nhiệm làm Người đại diện tại doanh nghiệp này để cử làm Người đại diện tại doanh nghiệp khác cùng chủ sở hữu.

4. Trường hợp Người đại diện sau 01 năm kể từ ngày bị chủ sở hữu đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ hoặc kể từ ngày có quyết định kỷ luật, miễn nhiệm có hiệu lực thi hành, nếu tiếp tục được xem xét cử làm Người đại diện thì ngoài điều kiện về độ tuổi, phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều này.

5. Có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

6. Không đang trong thời gian bị thi hành kỷ luật từ mức kỷ luật khiển trách trở lên, điều tra, truy tố, xét xử.

7. Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Nhiệm kỳ cử Người đại diện

1. Người đại diện được cử theo nhiệm kỳ của Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị.

2. Trường hợp thay đổi chức danh quản lý do thay đổi tên gọi doanh nghiệp thì thời hạn làm đại diện được tính từ ngày được cử làm đại diện theo chức danh cũ (tên gọi cũ của doanh nghiệp).

3. Trường hợp Người đại diện được cử để bầu, bổ nhiệm chức danh quản lý giữa nhiệm kỳ của chức danh đó thì thời hạn làm đại diện là thời gian còn lại của nhiệm kỳ đó.

Điều 14. Cử Người đại diện

1. Căn cứ vào giá trị vốn góp của Nhà nước, quy mô của doanh nghiệp và đối chiếu với điều kiện, tiêu chuẩn Người đại diện quy định tại Điều 12 Thông tư này, cơ quan được giao quản lý Người đại diện báo cáo bằng văn bản với cấp có

thẩm quyền quyết định cử không quá 05 Người đại diện đối với doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

2. Trình tự, thủ tục cử Người đại diện thực hiện theo Quy chế công tác cán bộ và các văn bản quy định có liên quan của Bộ Quốc phòng.

Điều 15. Cử lại Người đại diện

1. Điều kiện cử lại Người đại diện

a) Có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 12 Thông tư này;

b) Phải được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong nhiệm kỳ theo tiêu chí quy định tại Khoản 4 Điều 1 Thông tư số 105/2018/TT-BQP, trong đó có 02 năm liên tiếp được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trước khi được cử lại làm đại diện;

c) Đối với Người đại diện khi còn đủ ít nhất hai phần ba thời gian công tác của nhiệm kỳ làm đại diện (tính đến thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định) thì căn cứ từng trường hợp cụ thể, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng có thể xem xét, cử lại.

2. Thời gian, trình tự tiến hành cử lại Người đại diện thực hiện theo Quy chế công tác cán bộ và các văn bản quy định có liên quan của Bộ Quốc phòng.

Điều 16. Miễn nhiệm đối với Người đại diện

1. Người đại diện được miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Có đơn đề nghị thôi làm đại diện trước thời hạn và được cấp có thẩm quyền đồng ý;

b) Chuyển công tác khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

c) Đến tuổi được nghỉ hưu;

d) Bộ Quốc phòng thoái hết vốn tại doanh nghiệp;

đ) Trong 02 năm liên tiếp của nhiệm kỳ làm đại diện bị đánh giá, phân loại ở mức không hoàn thành nhiệm vụ;

e) Vi phạm phẩm chất đạo đức hoặc vi phạm quy định những việc đảng viên không được làm đối với Người đại diện là đảng viên;

g) Các trường hợp được miễn nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

2. Trình tự, thủ tục miễn nhiệm Người đại diện thực hiện theo Quy chế công tác cán bộ và các văn bản quy định có liên quan của Bộ Quốc phòng.

Điều 17. Người đại diện sau khi được miễn nhiệm

Người đại diện sau khi miễn nhiệm được xem xét bố trí công việc mới hoặc giải quyết chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Đối với Người đại diện thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty cử, cử lại, miễn nhiệm

Căn cứ Điều 12, 13, 14, 15, 16, 17 Thông tư này, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty giao cơ quan nhân sự, tài chính xây dựng Quy chế cử, cử lại, miễn nhiệm Người đại diện tại công ty con trình Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty phê duyệt, thực hiện.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15. tháng 01 năm 2020.

2. Trường hợp các văn bản viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành thay thế đó.

Điều 20. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Tổng tham mưu, Tổng cục Chính trị, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Người quản lý, Người đại diện, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Cục Kinh tế/Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm triển khai thực hiện, kiểm tra, theo dõi, giám sát và báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Thượng tướng Trần Đơn